TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC N – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/12/2025
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC N - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Kim Xuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bạch Linh.

2. Bà Nguyễn Thị Phượng.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực N - Đồng Tháp.

Trong ngày 29/9/2025, tại Phòng xử án Toà án nhân dân Khu vực N - Đồng Tháp xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 185/2025/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/11/2025 và Quyết định hoãn số 73/2025/QĐST-DS ngày 11/12/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Phi L, sinh năm 1988;

Địa chỉ cư trú: Số B, ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Số E, ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Văng Phước Đ, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số B, ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Có đơn xin vắng mặt: Chị Bùi Phi L.

Vắng mặt không lý do: Anh Văng Phước Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Phi L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Bùi Phi L và anh Văng P Đến tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 22/02/2017. Sau khi kết hôn, chị L và anh Đ sống chung hạnh phúc tại nhà cha mẹ chồng. Đến tháng 4/2021 thì phát sinh mâu thuẫn do hoàn cảnh kinh

tến khó khăn, anh Đ thường xuyên sử dụng rượu bia và ghe tuông vô cớ. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến hai bên không thể chia sẽ cuộc sống và xây dựng hạnh phúc gia đình. Từ tháng 7/2025 đến nay, chị L cùng con về nhà ba mẹ ruột sống. Do đó, chị Bùi Phi L yêu cầu được ly hôn với anh Văng P Đến.

Về con chung: Chị L và anh V Phước Đến có 01 con chung tên Văng Đăng K, sinh ngày 03/11/2017, hiện đang sống chung với chị L. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Văng Phước Đ: Anh Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên họp nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp văn bản ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Bùi Phi L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Văng P Đến cho nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025 (viết tắt Bộ luật TTDS) xác định tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật là: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Văng P Đến có địa chỉ cư trú tại: Số B, ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực N - Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS.

[1.3] Chị L, anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị L có đơn xin xét xử vắng mặt và anh Đ vắng mặt không lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ đã ký nhận trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án. Như vậy, anh Đ đã biết được vụ kiện ly hôn này nhưng không đến Tòa theo giấy triệu tập. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 228, 238 Bộ luật TTDS.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị L và anh Đ đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận số 17 ngày 22/02/2017 đúng theo quy định, là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, chị L cho rằng trong cuộc sống hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu ly hôn với anh Đ. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về mâu thuẫn: Giữa chị L và anh Đ là có phát sinh mâu thuẫn trong hôn nhân. Chị L cho rằng đến tháng 4/2021, hôn nhân giữa chị L và anh Đ có phát sinh mâu thuẫn do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên thường xuyên cãi nhau, anh Đ thường xuyên sử dụng rượu bia và ghen tuông vô cớ, hôn nhân luôn trong tình trạng căng thẳng. Từ tháng 7/2025, chị L cùng con về nhà ba mẹ chị L sinh sống. Do mâu thuẫn kéo dài nên tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, hôn nhân của chị L và anh Đ đã không đảm bảo được tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (viết tắt Luật HNGĐ) quy định: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. ; 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*"

- Về khả năng hàn gắn: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã hòa giải, động viên để chị L hàn gắn lại tình cảm với anh Đ nhưng chị L cương quyết yêu cầu được ly hôn. Đối với anh Đ đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng để biết nội dung vụ án nhưng anh Đ không có mặt theo thông báo và không có văn bản ý kiến thể hiện ý chí hàn gắn lại tình cảm với chị L. Cho nên, hôn nhân giữa chị L và anh Đ không giải quyết được mâu thuẫn, không có khả năng hàn gắn tình cảm.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị L và anh Đ đã phát sinh mâu thuẫn và thực sự trầm trọng, không còn giữ được tình nghĩa vợ chồng, không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Phi L đối với anh Văng P Đến theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật HNGĐ.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh Đ có một con chung tên Văng Đăng K, sinh ngày 03/11/2017. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, yêu cầu của chị L là phù hợp, bởi lẽ: Từ trước đến nay cháu K đều sống chung với chị L, được chị L chăm sóc tốt nên tiếp tục giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu K. Về phía anh Đ không có văn bản ý kiến tranh chấp nuôi con chung. Đồng thời, cháu K đã trên 07 tuổi và có Đơn trình bày ngày 21/11/2025, theo đó cháu K trình bày nếu cha mẹ ly hôn cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao con chung tên Văng Đăng K cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Đ không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị L theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Đ không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là đảm bảo quyền tự định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật TTDS.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật TTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật TTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 19, 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Phi L.

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Phi L được ly hôn với anh Văng P Đến.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 22/02/2017 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung tên Văng Đăng K, sinh ngày 03/11/2017 cho chị Bùi Phi L trực tiếp nuôi dưỡng (con chung đang sống với chị L).

2.2. Anh Văng P Đến không cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi con chung không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Bùi Phi L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003558 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Phi L và anh Văng P Đến có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực N – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực N – Đồng Tháp;
- UBND xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (kx).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Thị Kim Xuyến